



Thời gian : 15h30 - 21/07/2026 - Phòng thi 501 - K7/25 Quang Trung

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ<br>TÊN   | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|----------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 29206732080     | Đặng Thị Huyền | Anh            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 2   | 29206757727     | Cai Vũ Phương  | Anh            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 29208222768     | Hồ Thị Hà      | Diễm           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 29206757769     | Nguyễn Kỳ      | Duyên          | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 29206700044     | Trần Thị Hà    | Giang          | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 29206758325     | Lê Thu         | Hào            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 28206754749     | Huỳnh Thị Kim  | Hậu            | CS 390 SA        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 29204661626     | Bùi Thúy       | Hiền           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 29206734873     | Nguyễn Thị Mỹ  | Hiếu           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 28206724477     | Lê Huỳnh       | Hoa            | CS 390 SA        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 29206757695     | Lê Thị Xuân    | Hương          | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 29206747906     | Đỗ Thị Hương   | Kiều           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 29206757647     | Võ Thị Thanh   | Lam            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 29206765093     | Phạm Thị Thuỳ  | Linh           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 15  | 29206737550     | Hoàng Thị Mỹ   | Ly             | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 16  | 29206761694     | Nguyễn Minh    | Lý             | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 29206759010     | Trần Thanh     | Ngọc           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 18  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 19  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 20  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 21  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 22  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 23  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 24  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 25  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 26  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 27  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
| 28  |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV: \_\_ Vắng \_\_ Đình chỉ: \_\_ Tổng số bài thi: \_\_ Tổng số tờ: \_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THI

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

TRUNG TÂM KHẢO THÍ



Thời gian : 15h30 - 21/07/2026 - Phòng thi 501 - K7/25 Quang Trung

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ<br>TÊN      | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|-------------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                   |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 29206757684     | Phan Yến          | Nhi            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 2   | 29206723476     | Phạm Trương Quỳnh | Như            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 29206762033     | Ngô Thị Hồng      | Nhung          | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 29206756217     | Trần Thị Kiều     | Oanh           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 28212351396     | Nguyễn Anh        | Quân           | CS 390 SA        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 29206748387     | Đoàn Thị Tú       | Quyên          | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 29208149941     | Đinh Thị Thảo     | Sương          | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 29206758094     | Nguyễn Thị Bích   | Thu            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 26207227831     | Nguyễn Thị Anh    | Thư            | CS 390 SA        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 29206760236     | Nguyễn Thị Minh   | Thư            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 29206765082     | Lê Thị Thanh      | Thuận          | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 29206740085     | Nguyễn Thanh      | Thương         | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 29206764859     | Phùng Thị Quỳnh   | Tiên           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 29206756076     | Trương Hòa Bảo    | Trâm           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 15  | 29206756218     | Nguyễn Phương     | Trâm           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     | NỢ HP   |
| 16  | 29216753348     | Đặng Thùy         | Trâm           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 29204659670     | Ngô Thị Thùy      | Trang          | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 18  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 19  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 20  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 21  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 22  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 23  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 24  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 25  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 26  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 27  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
| 28  |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                   |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV: \_\_\_\_ Vắng \_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_ Tổng số bài thi: \_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THI

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

TRUNG TÂM KHẢO THÍ



**Thời gian : 15h30 - 21/07/2026 - Phòng thi 502 - K7/25 Quang Trung**

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ<br>TÊN       | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|--------------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                    |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 29208163431     | Trần Thị Huyền     | Trang          | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 2   | 29206760619     | Trần Thị Thu       | Trúc           | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 29204638424     | Nguyễn Thị Ánh     | Tú             | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 29206737144     | Hồ Hứa Nhã         | Vi             | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 29206755508     | Dương Thảo         | Vy             | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 29208262096     | Lê Thị Như         | Ý              | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 29216724865     | Võ Lê Như          | Ý              | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 29206752340     | Võ Thị Tuyết       | Yên            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 29204634599     | Nguyễn Thị Hồng    | Yến            | CS 390 SA        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 29206751237     | Nguyễn Ngọc Nguyệt | Anh            | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 29206758892     | Trần Thị Bích      | Diễm           | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 28206720559     | Đặng Thị Minh      | Duyên          | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 29206755127     | Trần Nguyên        | Hằng           | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 29206740123     | Bùi Thị Thu        | Hiền           | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 15  | 29216759671     | Nguyễn Trần Bảo    | Khanh          | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 16  | 29206757154     | Phùng Thị Thảo     | Linh           | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 29204662056     | Đoàn Thị Mỹ        | Ly             | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 18  | 29206754533     | Nguyễn Khánh       | Ly             | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 19  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 20  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 21  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 22  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 23  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 24  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 25  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 26  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 27  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
| 28  |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                    |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV:\_\_\_ Vắng\_\_\_ Đình chỉ:\_\_\_ Tổng số bài thi:\_\_\_ Tổng số tờ:\_\_\_

**NGƯỜI LẬP**

**GIÁM THI**

**GIÁM KHẢO 1**

**GIÁM KHẢO 2**

**TRUNG TÂM KHẢO THÍ**



*Thời gian : 15h30 - 21/07/2026 - Phòng thi 502 - K7/25 Quang Trung*

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ<br>TÊN     | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|------------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                  |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 29208127417     | Vũ Thị Vân       | Ly             | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 2   | 29206755129     | Trương Thị Xuân  | Mai            | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 28204647695     | Nguyễn Ngọc Trà  | My             | CS 390 SC        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 29206730763     | Hồ Trà           | My             | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 29206760077     | Trần Kiều        | My             | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 29208140169     | Dương Thị Uyển   | My             | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 29206757682     | Hà Nguyễn Ny     | Na             | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 29206757767     | Nguyễn Lê Yên    | Ngọc           | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 29206729994     | Lê Thị Ngọc      | Nữ             | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 26203836205     | Phan Hoàng       | Oanh           | CS 390 SC        | K27NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 29206730033     | Đoàn Thị Thu     | Sương          | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 29206734612     | Nguyễn Thị       | Thêm           | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 29206760378     | Nguyễn Thị Mai   | Thi            | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 29206760235     | Lê Thị Anh       | Thư            | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 15  | 29206757683     | Lê Hồ Anh        | Thy            | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 16  | 29206739103     | Phan Linh        | Trang          | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 29206758783     | Nguyễn Thị Quỳnh | Trang          | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 18  | 29206760617     | Nguyễn Anh       | Trúc           | CS 390 SC        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 19  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 20  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 21  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 22  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 23  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 24  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 25  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 26  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 27  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
| 28  |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                  |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV: \_\_\_\_ Vắng \_\_\_\_ Đình chỉ: \_\_\_\_ Tổng số bài thi: \_\_\_\_ Tổng số tờ: \_\_\_\_

**NGƯỜI LẬP**

**GIÁM THI**

**GIÁM KHẢO 1**

**GIÁM KHẢO 2**

**TRUNG TÂM KHẢO THÍ**



**Thời gian : 15h30 - 21/07/2026 - Phòng thi 507 - K7/25 Quang Trung**

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | SỐ TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|--------------|-----------------------|-------------|---------------|-------|--------|----------|-----|---------|
|     |              |                       |             |               |       |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 29206558749  | Trần Thị Tuyền        | CS 390 SC   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 2   | 28206752620  | Nguyễn Ngọc Tường Vy  | CS 390 SC   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 3   | 29206756809  | Hồ Thị Tường Vy       | CS 390 SC   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 4   | 29208053830  | Lê Thị Lan Vy         | CS 390 SC   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 5   | 29206758324  | Phạm Thị Ngọc Ánh     | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 6   | 29206738023  | Lê Thị Thái Bình      | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 7   | 29206757902  | Quảng Tạ Nhã Đoan     | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 8   | 29204356454  | Trần Thị Mỹ Duyên     | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 9   | 29206729273  | Huỳnh Ngọc Thùy Giang | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 10  | 29206754912  | Lê Thị Minh Hằng      | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 11  | 29208162458  | Võ Thị Quỳnh Hương    | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 12  | 29206755573  | Lê Huỳnh Yến Loan     | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 13  | 29206727558  | Trương Thị Vân Ly     | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 14  | 29206964635  | Phan Thị Thảo Nguyên  | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 15  | 29206755130  | Nguyễn Ly Uyên Nhi    | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 16  | 29206762030  | Trần Thị Tuyết Nhi    | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 17  | 27203831251  | Lê Hồng Nhung         | CS 390 SG   | K28NHB        |       |        |          |     |         |
| 18  | 29206744973  | Hoàng Ngọc Nữ         | CS 390 SG   | K29NHB        |       |        |          |     |         |
| 19  |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 20  |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 21  |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 22  |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 23  |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 24  |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 25  |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 26  |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
| 27  |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
|     |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
|     |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |
|     |              |                       |             |               |       |        |          |     |         |

Số SV:\_\_\_ Vắng\_\_\_ Đình chỉ:\_\_\_ Tổng số bài thi:\_\_\_ Tổng số tờ:\_\_\_

**NGƯỜI LẬP**

**GIÁM THI**

**GIÁM KHẢO 1**

**GIÁM KHẢO 2**

**TRUNG TÂM KHẢO THÍ**



Thời gian : 15h30 - 21/07/2026 - Phòng thi 507 - K7/25 Quang Trung

| STT | MÃ<br>SINH VIÊN | HỌ VÀ<br>TÊN    | LỚP MÔN<br>HỌC | LỚP SINH<br>HOẠT | SỐ<br>TỜ | KÝ TÊN | ĐIỂM THI |     | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|-----------------|----------------|------------------|----------|--------|----------|-----|---------|
|     |                 |                 |                |                  |          |        | SỐ       | CHỮ |         |
| 1   | 28203680336     | Nguyễn Thị Mỹ   | Phúc           | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     | NỢ HP   |
| 2   | 29206760286     | Nguyễn Thị Như  | Quyên          | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 3   | 29206725012     | Nguyễn Duy Như  | Quỳnh          | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 4   | 29206755808     | Đặng Thị Như    | Quỳnh          | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 5   | 29206760287     | Huỳnh Phan Trúc | Quỳnh          | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 6   | 28206722997     | Trần Thị Minh   | Tâm            | CS 390 SG        | K28NHB   |        |          |     |         |
| 7   | 29206755507     | Trịnh Hoài      | Thương         | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 8   | 29206757211     | Ksor H'         | Thúy           | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 9   | 29206755809     | Lê Thị          | Tiền           | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 10  | 29206757765     | Phạm Bảo        | Trân           | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 11  | 29206248194     | Nguyễn Thị Ngọc | Trình          | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 12  | 29206760556     | Trương Thị Anh  | Trình          | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 13  | 29206731814     | Thái Thị Thanh  | Trúc           | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 14  | 29206759211     | Nguyễn Thị Thảo | Uyên           | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 15  | 29208162864     | Nguyễn Ngọc     | Vy             | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 16  | 29206239734     | Huỳnh Thị Mỹ    | Xuyên          | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 17  | 29204351491     | Cao Thị Như     | Ý              | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 18  | 29204645546     | Nguyễn Thị Mỹ   | Yến            | CS 390 SG        | K29NHB   |        |          |     |         |
| 19  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 20  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 21  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 22  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 23  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 24  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 25  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 26  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 27  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
| 28  |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |
|     |                 |                 |                |                  |          |        |          |     |         |

Số SV: \_\_ Vắng \_\_ Đình chỉ: \_\_ Tổng số bài thi: \_\_ Tổng số tờ: \_\_

NGƯỜI LẬP

GIÁM THI

GIÁM KHẢO 1

GIÁM KHẢO 2

TRUNG TÂM KHẢO THÍ